

**CÔNG TY CỔ PHẦN MIN ARCHITECT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MIN ARCHITECT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIN ARCHITECT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109548122

**3. Ngày thành lập:** 11/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 48 ngách 36 ngõ 75 phố Vĩnh Phúc, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0898313111.

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                               | 2410        |
| 2.  | Đúc sắt, thép                                                                                                                          | 2431        |
| 3.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                         | 2511        |
| 4.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                             | 2512        |
| 5.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                       | 2591        |
| 6.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                      | 4101(Chính) |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                | 4102        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                          | 4211        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                           | 4212        |
| 10. | Xây dựng công trình điện                                                                                                               | 4221        |
| 11. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                    | 4222        |
| 12. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                     | 4223        |
| 13. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                      | 4229        |
| 14. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                               | 4291        |
| 15. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                        | 4292        |
| 16. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                  | 4293        |
| 17. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299        |
| 18. | Phá dỡ                                                                                                                                 | 4311        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                      | 4312        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                  | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị, máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng như: Cửa cuốn, cửa tự động.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329 |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322 |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;- Bán buôn kính xây dựng;- Bán buôn sơn, véc ni;- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;- Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663 |
| 25. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;<br>Khảo sát địa hình;<br>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình;<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.<br>- Lập và thẩm tra các dự án đầu tư xây dựng | 7110 |
| 26. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410 |
| 27. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8121 |
| 28. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8129 |
| 29. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8130 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THU HUYỀN | 302 Nhà H3 TT Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 147.000    | 1.470.000.000         | 15,000    | 008187000573                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Tổng số                   | 147.000    | 1.470.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ DUNG  | Số nhà 36 đường chợ Tam Cờ, Phường Tân Quang, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 147.000    | 1.470.000.000         | 15,000    | 070379596                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 | Tổng số                   | 147.000    | 1.470.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                 |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                  |                                    |         |               |        |           |  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | ĐỖ ĐÌNH<br>ĐIỆP | Đội 5, Xã Yên<br>Lợi, Huyện ý<br>Yên, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 686.000 | 6.860.000.000 | 70,000 | 162813491 |  |
|   |                 |                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |  |
|   |                 |                                                                  | Tổng số                            | 686.000 | 6.860.000.000 | 70,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ ĐÌNH ĐIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162813491

Ngày cấp: 16/08/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 5, Xã Yên Lợi, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 48 ngách 36 ngõ 75 phố Vĩnh Phúc, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội